

CÁC YẾU TỐ ĐỘNG LỰC TRONG XẾP HẠNG ĐẠI HỌC VÀ SỰ CHỌN LỰA CỦA VIỆT NAM (*)

• **TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN**

7. Các nguyên tắc Beclin trong việc xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học

Như vậy, việc xếp hạng đại học, quốc gia hay quốc tế, có những động lực khác nhau. Điều đó dẫn đến sự khác biệt trong phạm vi khảo sát, cách đánh giá, việc lựa chọn các tiêu chí và trọng số. Kết quả xếp hạng cũng chỉ phản ánh vị trí của cơ sở giáo dục đại học trong mối tương quan với các cơ sở khác theo một hoặc một số chiều đo nhất định. Tác động tích cực của việc xếp hạng là góp phần minh bạch hoá hoạt động của nhà trường, đồng thời thúc đẩy sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học để có vị trí cao hơn trên bảng xếp hạng.

Điều đáng quan tâm là trong mấy năm gần đây, ở nhiều nước trên thế giới đã hình thành hội chứng xếp hạng đại học. Chính phủ các nước này bày tỏ tham vọng và quyết tâm để một hoặc một số đại học nước mình có chỗ đứng trong top 100, 200 của bảng xếp hạng SJTU hoặc THE-QS, hoặc ít ra cũng phải có mặt trong bảng xếp hạng, dù chỉ ở cuối bảng. Mặc cho cảnh báo của những người am hiểu rằng đây chỉ là sân chơi của các đại gia đại học, tâm lí được ngời cùng chiếu gần như đã trở thành một nỗi ám ảnh toàn cầu.

Việc xếp hạng đại học vốn có một mục tiêu cụ thể và một chiều đo xác định, nhưng giờ đây dường như đã trở thành một hoạt động mang mục đích tự thân. Vì vậy, cũng giống như căn bệnh thi gì học nấy, trong giáo dục đại học thế giới đang nảy sinh xu hướng xếp hạng thế nào thì hoạt động thế ấy. Chẳng hạn, muốn có mặt trong bảng xếp hạng của SJTU, cần tăng cường mời giảng viên là các nhà khoa học được giải Nobel hoặc Field, cần có phụ cấp ưu đãi cho các giảng viên có bài báo khoa học đăng trên Nature

và Science. Còn muốn chen chân vào bảng xếp hạng của THE-QS thì, theo cách nói của GS Marginson (8), cần phát triển du lịch học thuật, ưu đãi các học giả nước ngoài theo chế độ ăn ở trong khách sạn 5 sao.

Ngoài ra, có một điều mà ai cũng hiểu là không có đại học nào là vua trong mọi lĩnh vực. Cũng không có đại học nào chiếm vị trí ngôi báu trong sự chọn lựa của mọi SV. Các bảng xếp hạng đại học hiện chỉ là bức tranh phiến diện, tập trung phản ánh một hoặc một số chiều đo nhất định của nhà trường, tuyệt nhiên không cho thấy chân dung đa chiều và đa dạng của nó. Trong đó, điều đáng trách nhất là đã không phản ánh các chiều đo cốt tử khác là giảng dạy, học tập và phục vụ xã hội của nhà trường; không tính đến các bối cảnh đặc trưng về kinh tế, văn hoá, lịch sử và ngôn ngữ, trong đó cơ sở giáo dục đại học ra đời và phát triển.

Vì thế, việc xếp hạng đại học đang chuyển từ giai đoạn phát triển tự phát sang tự giác với sự toàn diện hơn trong động lực, cùng những phương pháp luận mới, cách tiếp cận mới trong đánh giá và xếp hạng.

Mở đầu cho giai đoạn này là việc thông qua "Các nguyên tắc Beclin trong xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học" (9) do Nhóm chuyên gia xếp hạng quốc tế IREG(**) đưa ra tại phiên họp thứ hai của nhóm tại Beclin, tháng 5/2006. Các nguyên tắc này được coi là khung khổ cần thiết để tiến hành xây dựng, triển khai và đánh giá các xếp hạng đại học, sao cho việc xếp hạng được không ngừng hoàn thiện về mặt phương pháp luận. Vì thế, các nguyên tắc này đưa ra các quy định cụ thể đối với 4 vấn đề chính: mục đích xếp hạng, chọn tiêu chí và trọng số, thu thập và xử lí dữ liệu, công bố kết quả.

(*) Tiếp theo số 42.

(**) IREG (International Ranking Expert Group) được thành lập năm 2004 bởi Trung tâm Châu Âu về giáo dục đại học của UNESCO và Viện Chính sách giáo dục đại học của Mỹ.



Để khắc phục hội chứng xếp hạng, các nguyên tắc sau đây về mục đích xếp hạng rất cần được làm rõ trong giáo dục đại học:

a. Việc xếp hạng đại học chỉ là một trong nhiều cách tiếp cận khác nhau để đánh giá đầu vào, quy trình và đầu ra của giáo dục đại học. Nó không phải là cách thức chính để chỉ ra giáo dục đại học đang ra sao và phải làm gì. Nó chỉ cung cấp một bức tranh có tính chất thị trường để bổ sung cho công việc của các cơ quan nhà nước, các tổ chức kiểm định và các đơn vị đánh giá độc lập.

b. Việc xếp hạng đại học phải chú ý tới tính đa dạng của các cơ sở giáo dục đại học, những sứ mệnh và mục đích khác nhau của các cơ sở đó.

c. Việc xếp hạng đại học phải làm rõ bối cảnh lịch sử, kinh tế, văn hoá và ngôn ngữ của cơ sở được xếp hạng. Các quốc gia và hệ thống giáo dục không chia sẻ các niềm tin và giá trị như nhau về khái niệm “chất lượng giáo dục đại học” và vì vậy việc xếp hạng không được khiên cưỡng trong các so sánh về chất lượng.

Hưởng ứng “các nguyên tắc Beclin trong xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học”, ở nhiều nước đang hình thành các phương pháp luận mới với mục đích đánh giá toàn diện hơn, phù hợp hơn, công bằng hơn. Chẳng hạn, ở Đức, phòng Trao đổi học thuật DAAD, cùng với Trung tâm Phát triển giáo dục đại học CHE và tuần báo Die Zeit đã đưa ra một hướng xếp hạng mới (10). Điểm xuất phát cơ bản trong cách xếp hạng này là cho rằng mọi xếp hạng đều mang tính chủ quan trong việc tổ hợp các tiêu chí và chọn trọng số. Cho đến nay, việc xếp hạng chỉ phục vụ cho mục đích của người xếp hạng chứ không phải người sử dụng. Vì vậy, trong tiếp cận của CHE, các đại học và trường đại học chỉ được phân thành 3 nhóm tốt, trung bình và yếu. Dữ liệu về cơ sở giáo dục đại học trong từng nhóm được cung cấp đầy đủ. Việc xếp hạng các cơ sở đó như thế nào là do người học tự thực hiện trên cơ sở tự quyết định các tiêu chí và trọng số cần thiết theo định hướng của riêng mình.

Tuy nhiên, giới học thuật và các nhà hoạch định chính sách trên thế giới đang chờ đợi hơn cả là cố gắng của khối EC trong việc đưa ra tiếp cận mới trong xếp hạng quốc tế. Trong cách tiếp

cận này, việc xếp hạng riêng lẻ từng đại học bị phê phán vì nó sẽ dẫn đến nguy cơ phân tầng nguy hiểm trong hệ thống giáo dục đại học của một quốc gia. Cách xếp hạng theo hướng tập trung một chiều vào thành quả nghiên cứu khoa học cũng bị lên án vì sứ mệnh của giáo dục đại học không phải chỉ là sản sinh ra một số các nhà khoa học được giải Nobel mà chính là giáo dục và đào tạo nhân lực trình độ cao đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, trong cách tiếp cận mới của EC, việc xếp hạng từng đại học riêng lẻ được thay bằng việc xếp hạng từng hệ thống đại học giữa các quốc gia. Cách xếp hạng đơn nhất, một chiều cũng được thay thế bằng cách xếp hạng đa chiều phản ánh tính đa dạng trong tổ chức cũng như sứ mệnh của các hệ thống đại học trên thế giới. Mục đích của việc xếp hạng này không phải là để tạo ra người thắng kẻ thua giữa các đại học mà là đem lại sự đối sánh cần thiết giữa các hệ thống đại học trong việc thực hiện sứ mệnh chung là đáp ứng các thách thức mới trong bước chuyển sang nền văn minh trí tuệ (11).

8. Sự chọn lựa của Việt Nam

Giáo dục đại học Việt Nam cũng đang đứng trước bài toán xếp hạng. Tuy nhiên, để tìm ra lời giải của bài toán này, cần có cách tiếp cận sòng phẳng và sự lựa chọn ưu tiên, phù hợp với hiện trạng giáo dục đại học nước ta.

a. Trước hết là việc làm rõ các loại trường đại học của nước ta. Như trên đã nói, theo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục thì nước ta có ba loại trường đại học là đại học, học viện và trường đại học. Về chính danh, hiện nước ta chỉ có 5 đại học, bao gồm 2 đại học quốc gia và 3 đại học khu vực, còn lại là các học viện và trường đại học. Tuy nhiên, thực tế lại khá lộn xộn. Phần lớn các trường đại học đều tự xưng là đại học trong tên gọi bằng tiếng Việt cũng như tiếng Anh. Vì vậy, cũng chẳng có gì để trách cứ khi trong bảng xếp hạng của Webometrics suốt nhiều năm nay, một số trường đại học thành viên lại ở vị trí cao hơn cơ sở mẹ là Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Dĩ nhiên, hiện có một số học viện và trường đại học nước ta đã hội đủ tiêu chuẩn để được gọi

là đại học. Nhưng để việc xếp hạng được phù hợp và công bằng, nhất thiết phải có bước phân loại đầu tiên bằng một văn bản pháp quy liệt kê rõ ràng cơ sở nào là đại học, cơ sở nào là học viện, trường đại học.

Tiếp đến lại là việc phân loại trong nội bộ các đại học để làm rõ đại học nào là đại học nghiên cứu. Trên thế giới, các đại học nghiên cứu đều có tiêu chí riêng, trong đó có tiêu chí về vai trò trung tâm của nghiên cứu khoa học trong các hoạt động của nhà trường, và tiêu chí về tỉ lệ cao các nghiên cứu sinh trong tổng số người học trong trường. Nếu xét theo các tiêu chí này, e rằng trước mắt cũng như trong trung hạn, chúng ta chưa có đại học nào đủ tiêu chuẩn là đại học nghiên cứu.

b. Sự lựa chọn ưu tiên trong xếp hạng đại học: Ham vọng để đến năm 2015 chúng ta sẽ hoàn thành cơ bản việc xây dựng 4 trường đại học đẳng cấp quốc tế và đến 2020 chúng ta có ít nhất 1 đại học trong top 200 của thế giới là một ham vọng chính đáng. Cái mà nó thiếu chính là tính khả thi trong giới hạn của 11 năm còn lại. Việc nôn nóng nuôi dưỡng ham vọng này có thể tạo ra một bong bóng xếp hạng để rồi sau đó là sự thất vọng mà phải mất nhiều năm mới có thể nguôi ngoai.

Vì thế, giáo dục đại học Việt Nam cần làm rõ cái lõi hợp lý trong xếp hạng, tránh hội chứng xếp hạng để xếp hạng, từ đó tìm ra lối đi riêng với những lựa chọn ưu tiên phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Cái lõi hợp lý này là việc minh bạch hoá kết quả hoạt động của nhà trường và việc tạo ra cạnh tranh lành mạnh trong nội bộ hệ thống. Trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, với ưu tiên nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của cả hệ thống giáo dục đại học thì lối đi phù hợp trước mắt và trong trung hạn là tập trung vào xếp hạng quốc gia. Việc phấn đấu để có mặt trong bảng xếp hạng quốc tế cần được phân tích kĩ về các yếu tố động lực để có sự lựa chọn phù hợp và khả thi.

c. Xếp hạng quốc gia: Dự kiến kết quả xếp hạng này sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục (Đại học Quốc gia Hà Nội) công bố trong năm 2009. Việc xếp hạng sẽ thực hiện theo 3 nhóm

trường: các trường đào tạo đến tiến sĩ, các trường chỉ đào tạo đến thạc sĩ, và các trường chỉ đào tạo đến trình độ đại học. Việc phân nhóm như vậy là giải pháp tình thế trong tình hình lộn xộn về vị thế các trường đại học của nước ta hiện nay. Về lâu dài, nhất thiết phải tính tới sự phân loại các trường đại học theo thông lệ quốc tế như đã trình bày ở trên.

Ngoài ra, rất cần quan tâm đến các nguyên tắc Beclin trong xếp hạng đại học. Trong đó, cần làm rõ động lực cơ bản trong việc xếp hạng này. Đó là động lực quản lí, động lực khoa học, hay động lực phục vụ cho việc chọn trường của học sinh, SV. Việc chọn động lực sẽ quy định việc chọn các tiêu chí đánh giá cùng trọng số của chúng.

Cần nhận thức rằng, đây là công việc khó khăn, chắc rằng bước đầu chưa được như ý, nhưng nhất thiết phải làm. Cũng giống như tác động tích cực của bảng xếp hạng các tỉnh về chỉ số PCI mà VCCI đã tiến hành từ vài năm nay, việc xếp hạng đại học chắc chắn sẽ góp phần làm chuyển động hệ thống các trường đại học về mặt chất lượng.

Cũng cần khuyến khích các cơ quan báo chí hoặc các tổ chức xã hội nghề nghiệp tiến hành việc xếp hạng độc lập để nâng cao chất lượng xếp hạng. Với tiến trình đẩy mạnh tin học hoá và minh bạch hoá các hoạt động của trường đại học thì việc xếp hạng đại học có thể trở thành một hoạt động rất sôi nổi trong toàn xã hội, trong đó bản thân các SV cũng có thể tự tiến hành việc xếp hạng theo định hướng chọn trường của mình.

d. Xếp hạng khu vực: Dự kiến đến năm 2020, chúng ta có ít nhất 5 trường đại học thuộc top 50 đại học hàng đầu của khu vực ASEAN (12). Mục đích này có khả thi hay không còn tùy thuộc vào cách hiểu thế nào là 50 đại học hàng đầu ASEAN. Tính đến năm 2008, cả khối ASEAN mới chỉ có 2 đại học của Singapore lọt vào top 500 của bảng xếp hạng SJTU; 15 đại học nằm trong top 400 của bảng xếp hạng THE-QS. Còn theo Webometrics thì, do tính đại chúng của nó, hằng năm đều có công bố riêng bảng xếp hạng top 100 của khu vực ASEAN, trong đó có 7 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam (với 3 trường đại học lọt vào top 50). Vậy,

câu hỏi đặt ra là chúng ta muốn có 5 trường lọt vào top 50 theo bảng xếp hạng nào? Có lẽ, theo hướng đi của một số khu vực hiện nay trên thế giới, mà mở đầu là khối EC, cần xây dựng cách xếp hạng riêng cho khối ASEAN theo các tiêu chí phù hợp với các đặc điểm kinh tế - xã hội và truyền thống văn hoá - lịch sử của khối. Đây cũng là cách thức thiết thực để triển khai thực hiện “Tuyên bố Thăng Long - Hà Nội về không gian giáo dục ASEAN” công bố ngày 23/11/2007 tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

đ. Xếp hạng quốc tế: Cũng theo dự thảo Chiến lược Phát triển giáo dục 2009-2020, chúng ta đặt mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 1 trường đại học trong top 200 đại học hàng đầu thế giới. Trong xếp hạng quốc tế, chúng ta đều biết, hiện nay Việt Nam chưa có đại học nào trong top 500 của bảng xếp hạng SJTU và trong top 400 của bảng xếp hạng THE-QS. Nhưng không phải chỉ có vậy, người viết bài này đã liên hệ bằng email với người phụ trách xếp hạng của SJTU và được biết điều đáng buồn hơn là: trong cơ sở dữ liệu gồm hơn 1200 đại học thế giới để xem xét xếp hạng không có đại học nào của Việt Nam; còn trong 205 đại học nằm ngoài bảng xếp hạng của THE-QS cũng không có đại học nào của Việt Nam. Điều này đáng buồn nhưng hợp lí: như trên đã nói, trong các đại học của Việt Nam hiện nay cũng như trong trung hạn, chưa có đại học nào có thể được coi là đại học nghiên cứu. Vì vậy, nếu hiểu đại học hàng đầu thế giới là các đại học nghiên cứu tầm cỡ quốc tế theo xếp hạng của SJTU hoặc THE-QS thì mục tiêu đặt ra là bất khả thi và việc dồn sức vào cuộc đua quốc tế này sẽ gây nhiều tổn thất hơn là đem lại lợi ích cho giáo dục đại học Việt Nam.

Nếu nhất thiết muốn thử sức trên sân chơi quốc tế thì sự lựa chọn hợp lí và khôn ngoan là sân chơi Webometrics. Một nghiên cứu mới đây (13) cho thấy mối tương quan mạnh giữa bảng xếp hạng Webometrics với bảng xếp hạng SJTU, điều đó có nghĩa là có mặt trong bảng xếp hạng Webometrics cũng nói lên chất lượng nghiên cứu của nhà trường. Với sự thâm nhập mạnh mẽ của ICT vào đời sống giáo dục, chắc chắn trong tương lai không xa đây sẽ là một sân chơi có hạng về chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Chúng ta lại đang có một số lợi thế nhất định trên sân chơi này, dù rằng vị trí xếp hạng còn rất khiêm tốn. Vì thế, thay vì dồn quá nhiều sức lực vào một số đại học để chưa chắc có mặt trong bảng xếp hạng quốc tế, sẽ là khôn ngoan hơn nếu dành sức lực đó cho việc tạo chuyển biến cơ bản của cả hệ thống theo định hướng tin học hoá mọi hoạt động của nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *A Review of the Methodology for the US News and World Report's Rankings of Undergraduate Colleges and Universities*, National Opinion Research Center, Washington Monthly 2003.
2. *The Center for Measuring University Performance, The Top American Research Universities*, Annual Report 2006
3. Gavin Moodie, *University Rankings*, Griffith University, 2005.
4. Nian Cai Liu, *The story of academic ranking*, International Higher Education, Number 54, Winter 2009.
5. *Professional Ranking of World Universities*, 2008 Survey, <http://www.mines-paristech.fr/Actualites/PR>
6. *THE-QS World University Rankings*, <http://www.topuniversities.com/worlduniversityrankings/>
7. *The complete list: The top 100 global universities*, Newsweek International Edition
8. Simon Marginson, *Globalization, national development and university rankings*, Hanoi International Symposium, 2008.
9. IREG, *Berlin Principles on Rankings of Higher Education Institutions*, Berlin 2006.
10. CHE University Ranking, www.che-concept.de/cms/
11. Peer Ederer, Philipp Schuller, and Stephan Willms, *University Systems Ranking: Citizens and Society in the Age of the Knowledge*, Brussels 2008.
12. *Chiến lược Phát triển giáo dục Việt Nam 2009-2020* (dự thảo 14, ngày 30/12/2008).
13. Yasser M.Abd El-Latif, *Evaluation and Comparison of the World Universities Web-based Ranking Methodologies*, 2008.

SUMMARY

Analyzing the dynamics of university and college rankings, it is shown in this article there are different dynamical factors underlying the development of rankings, such as market factor, management factor, science factor, international integration factor, web development factor. The choice of a specific dynamical factor entails the choice of methods, indicators, and their weighting. Based on that analysis, the choice of college and university rankings in Vietnam is discussed.